

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI  
NGOẠI THƯƠNG  
Số: 182018/TB-VNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
-----o0o-----

Hà nội, ngày 22 tháng 08 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG  
KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics)

Mã chứng khoán: VNT

Trụ sở chính : Số 2 Bích Câu, P.Quốc Tử Giám, Q.Đống Đa, TP.Hà nội

Điện thoại : (84-24) 37321090

Fax : (84-24) 37321083

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Trương Thị Nhung

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 3732 1090 – Số máy lẻ 203

Loại thông tin công bố: 24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 đã được soát xét và Giải trình biến động kết quả kinh doanh hợp nhất 06 tháng đầu năm 2018.

Đồng thời Công ty cũng thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 22/08/2018 theo đường dẫn: <http://vntlogistics.com/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

*Tài liệu đính kèm/*

-BCSX số 19.147/BCSXHN-RSM HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI  
NGOẠI THƯƠNG



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trần Công Thành*

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG  
VÀ CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018



**CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG  
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2018	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 40



**CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG  
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch
Ông Trần Công Thành	Thành viên
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Lương Ngọc Bảo	Thành viên
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Ông Bùi Ngọc Loan	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trương Thị Nhung	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Ông Nguyễn Quốc Thiên Kim	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Bà Vũ Thị Bình Nguyên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Bà Dương Minh Châu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Ông Nguyễn Xuân Giang	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công

**CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG  
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Trần Công Thành**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2018

Số: 19.147/BCSXHN-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 22 tháng 08 năm 2018, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

***Kết luận của kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương và công ty con vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



---

**Đặng Thị Hồng Loan**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0425-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
*TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2018*

*Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>337.271.848.651</b>	<b>497.814.823.648</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>32.871.051.989</b>	<b>28.675.464.707</b>
1. Tiền	111		32.871.051.989	24.163.473.756
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.511.990.951
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>9.525.000.000</b>	<b>9.525.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4.2	9.525.000.000	9.525.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>294.200.781.688</b>	<b>458.553.718.866</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	144.427.778.782	174.517.171.171
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	7.458.297.640	7.915.340.324
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	146.338.745.880	279.593.122.710
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(4.024.040.614)	(3.971.915.339)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>675.014.974</b>	<b>1.060.640.075</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	675.014.974	1.060.640.075
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>219.598.283.822</b>	<b>214.331.748.213</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>54.189.603.701</b>	<b>57.222.400.847</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	52.893.463.036	55.813.480.533
Nguyên giá	222		106.704.333.154	105.859.402.773
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.810.870.118)	(50.045.922.240)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.296.140.665	1.408.920.314
Nguyên giá	228		3.466.588.786	3.466.588.786
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.170.448.121)	(2.057.668.472)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>185.159.200</b>	<b>69.339.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		185.159.200	69.339.000
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>164.821.267.227</b>	<b>156.818.200.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.2	150.783.067.227	150.780.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	14.038.200.000	6.038.200.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>402.253.694</b>	<b>221.808.366</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		402.253.694	221.808.366
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>556.870.132.473</b>	<b>712.146.571.861</b>

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG  
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

Mẫu số B 01a - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>412.843.317.737</b>	<b>561.016.028.007</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>340.632.866.651</b>	<b>488.844.349.714</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	159.588.067.081	162.820.925.880
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		660.031.248	917.793.392
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	2.255.031.156	8.034.911.736
4. Phải trả người lao động	314		-	1.495.596
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	5.200.608.878	3.111.023.458
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	6.072.879.254	5.031.827.765
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.13	166.856.249.034	308.926.371.887
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>72.210.451.086</b>	<b>72.171.678.293</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.13	316.656.000	435.408.000
2. Trái phiếu chuyển đổi	339	4.14	71.893.795.086	71.736.270.293
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>144.026.814.736</b>	<b>151.130.543.854</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.15	<b>144.026.814.736</b>	<b>151.130.543.854</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.114.050.000	85.852.900.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.114.050.000	85.852.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.379.300.000	2.379.300.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		541.094.511	585.526.956
4. Cổ phiếu quỹ	415		(817.208.082)	(817.208.082)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.400.293.842	9.400.293.842
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		10.000.000.000	9.000.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.409.284.465	44.729.731.138
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		29.726.849.116	17.176.358.458
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.682.435.349	27.553.372.680
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>556.870.132.473</b>	<b>712.146.571.861</b>

Phê duyệt



**Trần Công Thành**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2018

Người lập

**Đỗ Thị Thu Hiền**  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG  
VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

Mẫu số B 02a - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	453.784.548.912	365.644.807.773
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		453.784.548.912	365.644.807.773
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	426.097.427.505	339.486.966.681
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.687.121.407	26.157.841.092
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	4.316.389.705	1.800.861.136
6. Chi phí tài chính	22	5.4	14.296.110.385	8.990.782.718
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		13.685.058.170	8.240.072.478
7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		3.067.227	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	14.463.999.028	14.334.164.472
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.246.468.926	4.633.755.038
10. Thu nhập khác	31		95.818.480	154.014.574
11. Chi phí khác	32		48.461.523	239.016.262
12. Lợi nhuận khác	40		47.356.957	(85.001.688)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.293.825.883	4.548.753.350
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	611.390.534	1.355.440.657
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.682.435.349	3.193.312.693
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.5	257	318
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.6	257	303

Phê duyệt



**Trần Công Thành**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2018

Người lập

**Đỗ Thị Thu Hiền**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.293.825.883	4.548.753.350
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.6	3.913.356.237	4.260.750.725
Các khoản dự phòng	03		52.125.275	253.769.458
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.4	151.505.797	80.974.743
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.767.794.200)	(864.319.569)
Chi phí lãi vay	06	5.4	13.685.058.170	8.240.072.478
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>17.328.077.162</b>	<b>16.520.001.185</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		49.122.268.167	(52.357.835.673)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(21.248.606.377)	14.318.784.084
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(180.445.328)	259.005.946
Tiền lãi vay đã trả	14		(11.299.154.060)	(4.682.363.691)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(6.433.639.774)	(2.000.813.634)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(731.477.780)	(3.391.111.112)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<b>26.557.022.010</b>	<b>(31.334.332.895)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(996.379.291)	(568.561.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		636.364	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.000.000.000)	(100.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		134.200.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.764.090.609	864.319.569
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<b>128.968.347.682</b>	<b>(99.704.242.340)</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		4.261.150.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	281.191.850.810	308.716.505.039
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(423.380.725.663)	(191.233.422.733)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.429.732.500)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(151.357.457.353)</b>	<b>117.483.082.306</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>4.167.912.339</b>	<b>(13.555.492.929)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		28.675.464.707	33.626.631.973
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		27.674.943	8.215.009
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>4.1</b>	<b>32.871.051.989</b>	<b>20.079.354.053</b>

Phê duyệt



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2018

Người lập

Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, Chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 06 năm 2018.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất là 90.114.050.000 VND. Đây cũng là vốn thực góp của các nhà đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vinafreight	Việt Nam	19.800.000.000	21,97	19.800.000.000	23,06
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam (Vinatrans)	Việt Nam	9.000.000.000	9,99	9.000.000.000	10,48
Các đối tượng khác		61.314.050.000	68,04	57.052.900.000	66,46
<b>Cộng</b>		<b>90.114.050.000</b>	<b>100</b>	<b>85.852.900.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2018 là Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương – CN Hải Phòng. Địa chỉ: Số 208 Đường Chùa Vẽ, Quận Hải An, TP. Hải Phòng.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 405 (tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 390).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Giao nhận, tiếp vận.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp hàng hóa hoặc hành lý của khách hàng lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
  - + Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
  - + Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
  - + Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
  - + Đại lý tàu biển;
  - + Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
  - + Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Đại lý, môi giới, đấu giá: môi giới hàng hải;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:
  - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
  - + Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu;
  - + Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
  - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
- Kinh doanh dịch vụ bưu chính trong nước và quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát trong nước và quốc tế.

### **1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

### **1.5. Công ty con được hợp nhất**

Là Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành với tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 100%. Trụ sở của Công ty con được đặt tại Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**1.6. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Là Công ty Cổ phần Cảng Mipec với tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 30%. Trụ sở của Công ty liên kết được đặt tại Bán đảo Đĩnh Vũ, Khu kinh tế Đĩnh Vũ Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**2.5. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

***Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ***

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

**3.2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế**

Lãi suất thực tế (hay còn gọi là lãi suất hiệu lực) được dùng để chiết khấu dòng tiền đối với các khoản mục được ghi nhận theo giá trị hiện tại, giá trị phân bổ, giá trị thu hồi được xác định theo lãi suất ngân hàng thương mại.

Lý do lựa chọn lãi suất thực tế: Lãi suất thực tế được dùng để chiết khấu dòng tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trong tương lai về hiện tại nhằm xác định giá trị của trái phiếu và giá trị quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu khi đáo hạn.

**3.3. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**3.5. Đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.6. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
▪ Tài sản cố định khác	04 năm

**3.8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### ***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 2 phố Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội trong 20 năm; quyền sử dụng diện tích đất tại Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng trong 50 năm và quyền sử dụng lâu dài diện tích đất tại Số 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

#### ***Phần mềm kế toán***

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

### **3.9. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### **3.10. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến chi phí lãi từ phát hành trái phiếu phải trả cho nhà đầu tư, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

### **3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

#### ***Trái phiếu chuyển đổi***

Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi được xác định là khoản chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành. Lãi suất sử dụng để chiết khấu dòng tiền là 8,7%/năm được đánh giá là đáng tin cậy.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.12. Doanh thu**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

**3.13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**3.14. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

**3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.16. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành là 20%.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận chuyển quốc tế: 0%
- Các dịch vụ khác: 10%

### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

### **3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.19. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **3.20. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

*(Xem trang tiếp theo)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	1.894.788.811	3.553.283.873
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.976.263.178	20.610.189.883
Các khoản tương đương tiền	-	4.511.990.951
<b>Cộng</b>	<b>32.871.051.989</b>	<b>28.675.464.707</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư cổ phiếu:				
Cổ phiếu Công ty CP Logistics Vinalink	6.900.000.000	9.099.720.000	6.900.000.000	9.908.584.000
Cổ phiếu Công ty CP Vinafreight	2.625.000.000	9.660.000.000	2.625.000.000	9.625.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.525.000.000</b>	<b>18.759.720.000</b>	<b>9.525.000.000</b>	<b>19.533.584.000</b>

(\*) Tập đoàn đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Logistics Vinalink và Công ty CP Vinafreight trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tập đoàn đang nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018.

Đầu tư vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	150.780.000.000	150.783.067.227	150.780.000.000	150.780.000.000

**CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam	2.260.000.000	(**)	2.260.000.000	(**)
Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long	11.778.200.000	(**)	3.778.200.000	(**)
<b>Cộng</b>	<b>14.038.200.000</b>		<b>6.038.200.000</b>	

(\*\*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Là các khoản phải thu ngắn hạn của các khách hàng có số dư nhỏ hơn 10%.

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Regional Container Lines Public Company	4.122.912.473	4.532.293.172
Các nhà cung cấp khác	3.335.385.167	3.383.047.152
<b>Cộng</b>	<b>7.458.297.640</b>	<b>7.915.340.324</b>

**4.5. Phải thu khác ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Cảng Mipec cho Công ty TNHH MTV đầu tư SCIC	4.050.000.000	-	138.250.000.000	-
Phải thu do trả hộ bà Nguyễn Thị Thanh Hương mua cổ phần Công ty CP Cảng Mipec	50.786.000.000	-	50.786.000.000	-
Ký quỹ (*)	72.712.762.200	-	74.783.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	13.340.877.947	-	12.340.536.367	-
Phải thu khác	4.434.571.159	-	2.398.267.369	-
Tạm ứng cho bên liên quan – Xem thêm mục 8	1.014.534.574	-	1.035.318.974	-
<b>Cộng</b>	<b>146.338.745.880</b>	<b>-</b>	<b>279.593.122.710</b>	<b>-</b>

(\*) Trong đó, chi tiết các khoản ký quỹ như sau:

- + Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Sở giao dịch 1 để bảo lãnh phát hành trái phiếu chuyển đổi cho Công ty Mitsui Wharf với số tiền 21.050.562.200 VND – Xem thêm mục 4.14.
- + Ký quỹ cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội với số tiền 10.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.13.
- + Ký quỹ cho Công ty CP Vietjet Air với số tiền 1.598.800.000 VND để đảm bảo thanh toán.
- + Ký quỹ cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân với số tiền 21.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.13.
- + Ký quỹ cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Duyên Hải với số tiền 3.100.000.000 VND – Xem thêm mục 4.13.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

- + Ký quỹ cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hải Phòng với số tiền 6.800.000.000 VND và 145.000 USD (tương đương 3.323.400.000 VND) – Xem thêm mục 4.13.
- + Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hải Phòng để mua xăng dầu phục vụ hoạt động kinh doanh với số tiền 600.000.000 VND.
- + Các khoản ký quỹ còn lại nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

*(Xem trang tiếp theo)*

**CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	4.603.913.431	579.872.817	5.296.970.550	1.325.055.211
Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:				
	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV Chế Tạo Thiết Bị và Đóng Tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	1.115.620.730	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Giao Nhận DMG Hà Nội	1.076.916.240	-	1.076.916.344	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	2.411.376.461	579.872.817	3.104.433.476	Từ 6 tháng đến trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>4.603.913.431</b>	<b>579.872.817</b>	<b>5.296.970.550</b>	<b>1.325.055.211</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Châu, Phường Quốc Tử Giám,  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2018	52.238.473.439	10.018.305.806	41.858.098.031	945.155.497	799.370.000	105.859.402.773
Mua trong kỳ	-	813.759.091	-	66.800.000	-	880.559.091
Thanh lý, nhượng bán	-	(35.628.710)	-	-	-	(35.628.710)
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>	<b>52.238.473.439</b>	<b>10.796.436.187</b>	<b>41.858.098.031</b>	<b>1.011.955.497</b>	<b>799.370.000</b>	<b>106.704.333.154</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2018	11.288.617.416	4.594.847.241	32.694.117.644	757.785.522	710.554.417	50.045.922.240
Khấu hao trong kỳ	1.456.641.150	468.937.899	1.766.762.661	35.255.182	72.979.696	3.800.576.588
Thanh lý, nhượng bán	-	(35.628.710)	-	-	-	(35.628.710)
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>	<b>12.745.258.566</b>	<b>5.028.156.430</b>	<b>34.460.880.305</b>	<b>793.040.704</b>	<b>783.534.113</b>	<b>53.810.870.118</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2018	40.949.856.023	5.423.458.565	9.163.980.387	187.369.975	88.815.583	55.813.480.533
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>	<b>39.493.214.873</b>	<b>5.768.279.757</b>	<b>7.397.217.726</b>	<b>218.914.793</b>	<b>15.835.887</b>	<b>52.893.463.036</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của phương tiện vận tải với số tiền là 950.353.514 VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.13.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.012.325.047 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá: Tại ngày 01/01/2018	2.642.410.677	824.178.109	3.466.588.786
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>	<b>2.642.410.677</b>	<b>824.178.109</b>	<b>3.466.588.786</b>
Giá trị hao mòn lũy kế: Tại ngày 01/01/2018	1.416.553.698	641.114.774	2.057.668.472
Khấu hao trong kỳ	62.426.070	50.353.579	112.779.649
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>	<b>1.478.979.768</b>	<b>691.468.353</b>	<b>2.170.448.121</b>
Giá trị còn lại: Tại ngày 01/01/2018	1.225.856.979	183.063.335	1.408.920.314
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>	<b>1.163.430.909</b>	<b>132.709.756</b>	<b>1.296.140.665</b>

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 514.153.109 VND.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Regional Container Lines Public Co., Phải trả cho các nhà cung cấp khác	65.605.293.887 93.982.773.194	65.605.293.887 93.982.773.194	41.438.862.639 121.382.063.241	41.438.862.639 121.382.063.241
<b>Cộng</b>	<b>159.588.067.081</b>	<b>159.588.067.081</b>	<b>162.820.925.880</b>	<b>162.820.925.880</b>

**4.10. Thuế và các khoản phải thu / phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	516.677.405	916.604.900	13.957.184.428	13.443.958.110	482.909.333	369.610.510
Thuế thu nhập doanh nghiệp	158.337.569	-	619.821.855	6.433.639.774	577.730.742	6.233.211.092
Thuế thu nhập cá nhân	-	423.807.669	3.936.604.441	4.293.434.033	-	780.637.261
Các loại thuế khác	-	914.618.587	5.555.301.075	5.292.135.361	-	651.452.873
<b>Cộng</b>	<b>675.014.974</b>	<b>2.255.031.156</b>	<b>24.068.911.799</b>	<b>29.463.167.278</b>	<b>1.060.640.075</b>	<b>8.034.911.736</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trích trước chi phí lãi trái phiếu	4.050.123.288	1.664.219.178
Các khoản chi phí phải trả khác	1.150.485.590	1.446.804.280
<b>Cộng</b>	<b>5.200.608.878</b>	<b>3.111.023.458</b>

**4.12. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ký quỹ, ký cược	4.657.713.877	3.944.713.877
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.415.165.377	1.087.113.888
<b>Cộng</b>	<b>6.072.879.254</b>	<b>5.031.827.765</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.13. Vay**

	Tại ngày 30/06/2018		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	166.856.249.034	166.856.249.034	281.191.850.810	343.261.973.663	228.926.371.887	228.926.371.887
Trái phiếu thường	-	-	-	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Vay dài hạn	316.656.000	316.656.000	-	118.752.000	435.408.000	435.408.000
<b>Cộng</b>	<b>167.172.905.034</b>	<b>167.172.905.034</b>	<b>281.191.850.810</b>	<b>423.380.725.663</b>	<b>309.361.779.887</b>	<b>309.361.779.887</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất (năm)	Tại ngày	Tại ngày
				30/06/2018	01/01/2018
				VND	VND
<b>Vay ngắn hạn:</b>					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thanh Xuân	VND	100.000.000.000	7,5%	87.330.217.753	87.699.166.745 (a)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt – CN Hải Phòng	VND	60.000.000.000	7,5% - 9,6%	36.653.964.142	54.351.683.278 (b)
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	VND		8,5% - 9%	-	39.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – CN Nam Hà Nội	VND	25.000.000.000	8%	24.798.307.991	24.518.475.400 (c)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – CN Duyên Hải	VND	15.000.000.000	7,2% - 7,5%	14.942.206.506	14.957.027.721 (d)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển TP Hồ Chí Minh – CN Hải Phòng	VND	10.000.000.000	9,5%	2.894.048.642	8.162.514.743 (e)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – CN Hải Phòng	VND		8,5%	237.504.000	237.504.000 (f)
Trái phiếu thường			7,5%	-	80.000.000.000
				<b>166.856.249.034</b>	<b>308.926.371.887</b>
<b>Cộng</b>					
<b>Vay dài hạn:</b>					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – CN Hải Phòng	VND		8,5%	316.656.000	435.408.000 (f)
				<b>167.172.905.034</b>	<b>309.361.779.887</b>
<b>Tổng cộng</b>					



**CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Thông tin về các tài sản đảm bảo, cầm cố, thế chấp cho các khoản vay trên như sau:

- (a) Khoản vay được đảm bảo bằng khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng và 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân với số tiền 21.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.5.
- (b) Khoản vay được đảm bảo bằng khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hải Phòng với số tiền 6.800.000.000 VND và 145.000 USD (tương đương 3.323.400.000 VND) – Xem thêm mục 4.5; và số tiết kiệm số 478600 ngày 15 tháng 01 năm 2015 và số 502805 ngày 10 tháng 06 năm 2015 của ông Nguyễn Xuân Giang – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty với mệnh giá lần lượt là 90.000 USD (tương đương 2.043.000.000 VND) và 2.500.000.000 VND – Xem thêm mục 8. Hạn mức còn lại được vay tin chấp.
- (c) Khoản vay được bảo đảm một phần bằng khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội với số tiền 10.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.5.
- (d) Khoản vay được đảm bảo bằng khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng tại Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Duyên Hải với số tiền 3.100.000.000 VND – Xem thêm mục 4.5; và số tiết kiệm số 230940469 kỳ hạn 1 tháng với số tiền 86.700 USD thuộc sở hữu của ông Nguyễn Xuân Giang – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty – Xem thêm mục 8.
- (e) là các khoản vay tin chấp.
- (f) Khoản vay được đảm bảo bằng 2 xe ô tô đầu kéo biến kiểm soát lần lượt là 15C-229.71 và 15C-229.63, mục đích vay là thanh toán tiền mua xe đầu kéo – Xem thêm mục 4.7.

Trái phiếu thường được chi tiết như sau:

**Tại ngày 30/06/2018**  
VND

**Tại ngày 01/01/2018**  
VND

	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
Trái phiếu phát hành:						
Loại phát hành theo mệnh giá	-	-	-	80.000.000.000	7,5%/năm	12 tháng
Trái phiếu thường phát hành cho Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam vào ngày 02 tháng 06 năm 2017 và đáo hạn vào ngày 01 tháng 06 năm 2018.						

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.14. Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ như sau:

- Trái phiếu chuyển đổi của Công ty phát hành tại ngày 26 tháng 10 năm 2016 có thời hạn 2 năm kể từ ngày phát hành;
- Số lượng từng loại trái phiếu chuyển đổi: 720.000 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/ trái phiếu;
- Lãi suất phát hành trái phiếu: trái phiếu phát hành cho Công ty Misui Wharf Co., Ltd có lãi suất 8%/năm và trái phiếu phát hành cho Công ty TNHH MTV SCIC có lãi suất thả nổi được tính bằng lãi suất bình quân của các lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ dao động 2%; áp dụng trong kỳ kế toán này là 8,75%/năm;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi: Tại thời điểm đáo hạn, mỗi trái phiếu sẽ được đổi thành 4 cổ phần;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi: 8,7%/năm;
- Giá trị phần nợ gốc tại thời điểm đầu kỳ là 71.414.473.044 VND và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi là 585.526.956 VND;
- Giá trị phần nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 71.893.795.086 VND và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi là 541.094.511 VND;

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Tập đoàn đã ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Sở giao dịch 1 để bảo lãnh phát hành trái phiếu chuyển đổi cho Công ty Mitsui Wharf với số tiền 21.050.562.200 VND – Xem thêm mục 4.5.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.15. Vốn chủ sở hữu****4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Số dư tại ngày 01/01/2017	85.852.900.000	2.379.300.000	585.526.956	817.208.082	45.208.099.204	133.208.618.078
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	423.525.921	423.525.921
Tăng lãi do tăng chi phí lãi vay vốn hóa theo biên bản thanh tra Thuế	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	2.184.999.112	2.184.999.112
Số dư tại ngày 30/06/2017	85.852.900.000	2.379.300.000	585.526.956	817.208.082	(3.391.111.112)	(3.391.111.112)
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	44.425.513.125	132.426.031.999
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	27.702.068.526	27.702.068.526
Chia cổ tức đợt 2/2016	-	-	-	-	(467.666.671)	(467.666.671)
Số dư tại ngày 01/01/2018	85.852.900.000	2.379.300.000	585.526.956	817.208.082	(8.529.890.000)	(8.529.890.000)
Tăng vốn trong 6 tháng đầu năm nay (*)	4.261.150.000	-	585.526.956	817.208.082	63.130.024.980	151.130.543.854
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	-	4.261.150.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	2.682.435.349	2.682.435.349
Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	-	(568.874.522)	(568.874.522)
Điều chỉnh khác	-	-	(44.432.445)	-	(13.434.007.500)	(13.434.007.500)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2018</b>	<b>90.114.050.000</b>	<b>2.379.300.000</b>	<b>541.094.511</b>	<b>(817.208.082)</b>	<b>51.809.578.307</b>	<b>144.026.814.736</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2017 ngày 15 tháng 04 năm 2017 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Tổng số cổ phiếu phát hành thêm là 426.115 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, tương đương tổng giá trị phát hành là 4.261.150.000 đồng. Vào ngày 06 tháng 02 năm 2018, Công ty đã nhận được Công văn số 937/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu này của Công ty. Nguồn vốn tăng thêm này được sử dụng vào việc tăng vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Vinafreight	19.800.000.000	19.800.000.000
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam (Vinatrans)	9.000.000.000	9.000.000.000
Các đối tượng khác	61.314.050.000	57.052.900.000
<b>Cộng</b>	<b>90.114.050.000</b>	<b>85.852.900.000</b>

**4.15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01	85.852.900.000	85.852.900.000
Vốn góp tăng trong kỳ	4.261.150.000	-
<b>Vốn góp tại ngày 30/06</b>	<b>90.114.050.000</b>	<b>85.852.900.000</b>

**4.15.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.011.405	8.585.290
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.011.405	8.585.290
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55.400	55.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.956.005	8.529.890

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.15.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Tập đoàn	2.682.435.349	3.193.312.693
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(402.365.302)	(478.996.904)
Lãi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.280.070.047	2.714.315.789
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	8.885.378	8.529.890
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>257</b>	<b>318</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.15.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Tập đoàn	2.682.435.349	3.193.312.693
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(402.365.302)	(478.996.904)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.280.070.047	2.714.315.789
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	8.885.378	8.529.890
Số cổ phần dự kiến được phát hành thêm	-	426.115
Số cổ phần để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.885.378	8.956.005
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>257</b>	<b>303</b>

**4.15.7. Cổ tức**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức trả trên mỗi cổ phần của cổ phiếu phổ thông	1.500	1.000

**4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
Ngoại tệ các loại:		
USD	527.215,68	181.981,94
EUR	542,36	1.463,99
JPY	33.000,00	33.000,00
SGD	680,86	680,86

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cước	364.716.295.014	252.102.411.580
Doanh thu cung cấp dịch vụ	89.068.253.898	113.542.396.193
<b>Cộng</b>	<b>453.784.548.912</b>	<b>365.644.807.773</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn dịch vụ mua ngoài	384.686.281.780	298.720.759.453
Chi phí nhân viên	28.842.807.924	27.773.904.548
Chi phí khấu hao	3.342.151.397	3.636.666.396
Chi phí khác	9.226.186.404	9.355.636.284
<b>Cộng</b>	<b>426.097.427.505</b>	<b>339.486.966.681</b>

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	552.299.096	936.541.567
Cổ tức, lợi nhuận được chia	404.432.000	579.432.000
Lãi tiền gửi	3.359.658.609	284.887.569
<b>Cộng</b>	<b>4.316.389.705</b>	<b>1.800.861.136</b>

**5.4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	13.685.058.170	8.240.072.478
Lỗ chênh lệch tỷ giá	459.546.418	669.735.497
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	151.505.797	80.974.743
<b>Cộng</b>	<b>14.296.110.385</b>	<b>8.990.782.718</b>

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.357.409.406	4.976.503.771
Chi phí phát hành bảo lãnh thanh toán trái phiếu	108.500.000	1.975.541.667
Chi phí khác	7.998.089.622	7.382.119.034
<b>Cộng</b>	<b>14.463.999.028</b>	<b>14.334.164.472</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	384.686.281.780	298.720.759.453
Chi phí nhân công	35.200.217.330	32.750.408.319
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.913.356.237	4.260.750.725
Chi phí khác bằng tiền	16.761.571.186	18.089.212.656
<b>Cộng</b>	<b>440.561.426.533</b>	<b>353.821.131.153</b>

**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	595.810.534	892.882.915
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	15.580.000	462.557.742
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>611.390.534</b>	<b>1.355.440.657</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	281.191.850.810	228.716.505.039
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-	80.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>281.191.850.810</b>	<b>308.716.505.039</b>

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	343.380.725.663	191.114.670.733
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	80.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>423.380.725.663</b>	<b>191.233.422.733</b>

**CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám,  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các khu vực địa lý như sau:

- Hà Nội
- Hải Phòng

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 ngày 06 năm 2018

	Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng
<b>Doanh thu</b>								
Từ khách hàng bên ngoài	419.408	326.581	34.377	39.064	-	-	453.785	365.645
Giữa các bộ phận	25.517	21.297	10.998	9.443	(36.515)	(30.739)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>444.925</b>	<b>347.878</b>	<b>45.375</b>	<b>48.506</b>	<b>(36.515)</b>	<b>(30.740)</b>	<b>453.785</b>	<b>365.645</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>								
Kết quả của bộ phận	13.366	9.838	(143)	1.986	-	-	13.223	11.824
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính							13.223	11.824
Thu nhập tài chính							4.316	1.801
Chi phí tài chính							14.296	8.991
Lợi nhuận khác							47	(85)
Lợi nhuận trước thuế							3.293	4.549
Thuế TNDN							611	1.355
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<b>2.682</b>	<b>3.193</b>



**CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 2 Bích Châu, Phường Quốc Tử Giám,  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****Các thông tin khác**

	Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2018 Triệu đồng	Tại ngày 01/01/2018 Triệu đồng	Tại ngày 30/06/2018 Triệu đồng	Tại ngày 01/01/2018 Triệu đồng	Tại ngày 30/06/2018 Triệu đồng	Tại ngày 01/01/2018 Triệu đồng	Tại ngày 30/06/2018 Triệu đồng	Tại ngày 01/01/2018 Triệu đồng
Tài sản của bộ phận	489.403	630.114	178.019	170.708	(110.551)	(88.675)	556.871	712.147
Nợ phải trả của bộ phận	345.375	478.983	178.019	170.708	(110.551)	(88.675)	412.843	561.016

	Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng
Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ	(67)	-	(814)	(569)	-	-	(881)	(569)
Chi phí khấu hao trong kỳ	388	435	3.525	3.826	-	-	3.913	4.261

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản có định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn là dịch vụ giao nhận và tiếp vận, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

**Mối quan hệ**

1. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
Tạm ứng:		
Ông Nguyễn Xuân Giang – Chủ tịch Hội đồng quản trị	887.980.024	887.980.024
Ông Trần Công Thành – Tổng Giám đốc	126.554.550	147.338.950
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.5</b>	<b><u>1.014.534.574</u></b>	<b><u>1.035.318.974</u></b>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, ông Nguyễn Xuân Giang – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đã dùng Sổ tiết kiệm của mình số 478600 ngày 15 tháng 01 năm 2015 và số 502805 ngày 10 tháng 06 năm 2015 với mệnh giá lần lượt là 90.000 USD (tương đương 2.043.000.000 VND) và 2.500.000.000 VND để bảo đảm một phần cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt – CN Hải Phòng với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 60 tỷ VND – Xem thêm mục 4.13.

Ngoài ra, ông Nguyễn Xuân Giang cũng đã dùng Sổ tiết kiệm số 230940469 kỳ hạn 1 tháng với số tiền 86.700 USD để đảm bảo một phần cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – CN Duyên Hải với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 15 tỷ VND – Xem thêm mục 4.13.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn được chi tiết như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thù lao và thu nhập	1.041.640.654	733.333.336

**9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT TẬP ĐOÀN**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	8.888.889	13.333.333

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**10. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (Trích):

	Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)	Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	303	318

**11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt



**Trần Công Thành**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2018

Người lập

**Đỗ Thị Thu Hiền**  
Kế toán trưởng